



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC XOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với cùng với báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Số: 302 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30/07/2014, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng"). Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2014 của các công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để đánh giá trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập trong báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2014 của Tổng Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả ở mục nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN	
			Đơn vị tính: VND	
			30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		289.242.049.542	299.455.032.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	112.001.095.918	104.801.609.308
1. Tiền	111		6.956.912.585	4.561.609.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.044.183.333	100.240.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		63.582.690.144	72.889.770.052
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	63.582.690.144	72.889.770.052
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.147.881.066	116.305.873.485
1. Phải thu khách hàng	131	6	50.542.265.609	76.725.964.697
2. Trả trước cho người bán	132	7	7.623.650.064	11.167.197.064
3. Các khoản phải thu khác	135	8	49.501.208.966	39.931.955.297
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.519.243.573)	(11.519.243.573)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.551.921.377	4.431.887.145
1. Hàng tồn kho	141		4.551.921.377	4.431.887.145
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.958.461.037	1.025.892.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		729.588.437	426.056.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		116.449.505	45.144.109
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		27.141.216	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.085.281.879	554.692.089
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		388.218.761.375	388.252.331.251
I. Tài sản cố định	220		27.289.015.780	27.725.933.686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.648.058.577	5.047.468.417
- Nguyên giá	222		16.069.859.716	19.107.734.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.421.801.139)	(14.060.266.373)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.841.311.203	17.928.841.269
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.213.266.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(267.919.197)	(284.425.131)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	4.799.646.000	4.749.624.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	359.730.797.569	359.542.997.569
1. Đầu tư vào công ty con	251		313.730.600.000	313.730.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.487.495.137	36.299.695.137
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.151.000.000	10.151.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(638.297.568)	(638.297.568)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.198.948.026	983.399.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.167.398.226	951.850.196
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	31.549.800	31.549.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		677.460.810.917	687.707.364.235

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		129.403.581.354	134.665.932.146
I. Nợ ngắn hạn	310		125.362.723.354	130.680.115.646
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	26.986.155.825	43.253.824.797
2. Phải trả người bán	312	17	37.091.489.354	40.068.685.241
3. Người mua trả tiền trước	313	18	7.736.289.899	6.331.914.059
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	46.577.548	1.763.216.478
5. Phải trả người lao động	315		474.939.545	1.137.767.715
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	49.895.256.946	37.123.563.119
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.132.014.237	1.001.144.237
II. Nợ dài hạn	330		4.040.858.000	3.985.816.500
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	21	4.040.858.000	3.985.816.500
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		548.057.229.563	553.041.432.089
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	548.057.229.563	553.041.432.089
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.609.584.594	17.419.584.594
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.310.012.198	8.120.012.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.137.632.771	89.501.835.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		677.460.810.917	687.707.364.235

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	3.408,65	2.940,44
- EUR	100,14	9.571,08



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.646.153.450	10.692.982.597
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	13.646.153.450	10.692.982.597
3. Giá vốn hàng bán	11	24	11.211.110.355	8.195.491.190
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.435.043.095	2.497.491.407
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	18.185.818.949	33.159.781.563
6. Chi phí tài chính	22	27	393.875.605	918.986.095
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214.785.768	645.607.158
7. Chi phí bán hàng	24		227.717.411	481.524.514
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.506.587.063	11.930.937.857
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		13.492.681.965	22.325.824.504
10. Thu nhập khác	31		324.182.509	471.257.900
11. Chi phí khác	32		285.067.000	23.542.542
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		39.115.509	447.715.358
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.531.797.474	22.773.539.862
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.531.797.474	22.773.539.862



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	41.517.963.699	31.956.673.421
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(11.245.554.942)	(16.134.456.076)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.321.676.614)	(6.847.775.416)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(214.785.768)	(645.830.095)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.761.670.111)	(1.257.844.561)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	11.597.730.478	33.526.018.900
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(26.480.199.530)	(22.656.939.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.091.807.212	17.939.846.658
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(50.022.000)	(89.671.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27.492.500	30.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.592.779.132)	(40.085.176.636)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.999.859.040	35.862.143.084
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.236.392.076	13.527.065.349
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.620.942.484	9.214.390.342
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.958.313.533	26.420.646.752
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.211.489.877)	(35.598.158.473)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.080.996.905)	(881.138.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.334.173.249)	(10.058.649.921)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	7.378.576.447	17.095.587.079
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	104.801.609.308	87.723.617.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(179.089.837)	42.007.030
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối (70=50+60+61)	70	112.001.095.918	104.861.211.649



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc: Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics được thành lập theo quyết định số 2445/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2014 là 153 người (tại ngày 01/01/2014 là 153 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyên giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyên giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và các khoản cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3-5 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Một số khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, do Tổng Công ty sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng bằng tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại ngày xuất hóa đơn và khách hàng thanh toán cho Tổng Công ty theo đúng số tiền VND trên hóa đơn giá trị gia tăng này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	391.616.563	407.088.589
Tiền gửi ngân hàng	6.565.296.022	4.154.520.719
Các khoản tương đương tiền	105.044.183.333	100.240.000.000
	<u>112.001.095.918</u>	<u>104.801.609.308</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	5.050.248.000	5.800.000.000
Các khoản cho vay (i)	58.532.442.144	67.089.770.052
<i>Cty CP Công nghệ thông tin Genpacific</i>	26.978.531.132	21.836.000.000
<i>Cty CP Viettronics Công Nghiệp (VCN)</i>	23.779.631.582	21.149.497.187
<i>Cty CP Công trình Viettronics</i>	7.774.279.430	7.774.279.430
<i>Công ty Viettronics Đổng Đa</i>	-	16.329.993.435
	<u>63.582.690.144</u>	<u>72.889.770.052</u>

Ghi chú: (i) Đầu tư ngắn hạn là các khoản cho vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 13%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	23.869.358.958	34.048.776.074
Tổng Công ty xây dựng số 1	9.376.511.342	23.625.708.342
Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	5.984.388.000	6.308.434.000
Ban quản lý Dự án nhà máy thủy điện Sơn La	1.643.522.567	2.927.668.820
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	2.653.678.000	2.653.678.000
Ban quản lý Dự án Các công trình Điện Miền Nam	2.342.159.429	2.232.000.133
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.861.897.311	1.861.897.311
Các đối tượng khác	10.750.002	267.802.017
	50.542.265.609	76.725.964.697

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	2.599.399.064	2.599.399.064
Công ty CP truyền thông kết nối điểm	-	3.447.897.000
Các đối tượng khác	169.900.000	265.550.000
	7.623.650.064	11.167.197.064

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	28.240.688.296	25.448.855.274
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	11.733.284.550	6.409.316.550
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	3.978.637.223	3.051.097.223
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
Các khoản phải thu khác	3.440.601.324	2.914.688.677
	49.501.208.966	39.931.955.297

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí SX, KD dở dang	3.163.766.032	3.097.535.000
Hàng hóa	1.388.155.345	1.334.352.145
	4.551.921.377	4.431.887.145
Giá gốc hàng tồn kho	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.551.921.377	4.431.887.145

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	2.197.550.747	320.378.749
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.887.731.132	234.313.340
	12.085.281.879	554.692.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	10.545.625.107	4.704.789.618	3.258.326.269	598.993.796	19.107.734.790
Phân loại lại(i)	(101.629.742)	-	(2.566.436.772)	(314.284.896)	(2.982.351.410)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.523.664)	-	(55.523.664)
Tại ngày 30/06/2014	10.443.995.365	4.704.789.618	636.365.833	284.708.900	16.069.859.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	5.954.389.877	4.522.966.574	3.132.623.959	450.285.963	14.060.266.373
Khấu hao trong kỳ	162.082.163	123.961.144	77.449.144	-	363.492.451
Phân loại lại(i)	(91.100.249)	-	(2.541.048.876)	(314.284.896)	(2.946.434.021)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.523.664)	-	(55.523.664)
Tại ngày 30/06/2014	6.025.371.791	4.646.927.718	613.500.563	136.001.067	11.421.801.139
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	4.591.235.230	181.823.044	125.702.310	148.707.833	5.047.468.417
Tại ngày 30/06/2014	4.418.623.574	57.861.900	22.865.270	148.707.833	4.648.058.577

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND chưa khấu hao hết sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ tiếp.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 4.982.292.840 đồng và tại ngày 01/01/2014 là 4.682.160.859 đồng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	17.769.140.000	444.126.400	18.213.266.400
Phân loại (i)	-	(104.036.000)	(104.036.000)
Tại ngày 30/06/2014	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	284.425.131	284.425.131
Tăng trong năm	-	69.021.066	69.021.066
Phân loại (i)	-	(85.527.000)	(85.527.000)
Tại ngày 30/06/2014	-	267.919.197	267.919.197
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	17.769.140.000	159.701.269	17.928.841.269
Tại ngày 30/06/2014	17.769.140.000	72.171.203	17.841.311.203

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND chưa khấu hao hết sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182
Xây dựng cơ bản dở dang Trường	346.297.818	296.275.818
	<u>4.799.646.000</u>	<u>4.749.624.000</u>

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		313.730.600.000		313.730.600.000
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	1.123.600	11.236.000.000	1.123.600	11.236.000.000
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	6.693.700	66.937.000.000	6.693.700	66.937.000.000
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	1.479.000	14.790.000.000	1.479.000	14.790.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	2.295.000	22.950.000.000	2.295.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.654.960	126.660.600.000	#####	126.660.600.000
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	306.000	30.600.000.000	3.060.000	30.600.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	2.755.700	27.557.000.000	2.755.700	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		36.487.495.137		36.299.695.137
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	2.142.000	21.420.000.000	2.142.000	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	1.086.890	10.868.900.000	1.086.890	10.868.900.000
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	206.650	2.066.500.000	187.870	1.878.700.000
Công ty CP Máy tính Việt Nam	85.550	855.500.000	85.550	855.500.000
<i>Góp vốn liên danh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
Đầu tư dài hạn khác		10.151.000.000		10.151.000.000
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	524.000	5.240.000.000	524.000	5.240.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(638.297.568)		(638.297.568)
Cộng		<u>359.730.797.569</u>		<u>359.542.997.569</u>

Thông tin chi tiết của Công ty con tại ngày 30/06/2014:

Tên công ty con	Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		sở hữu %	biểu quyết %
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,86%	91,86%
Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	57,60%	49,97%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/06/2014:

Tên công ty liên danh, liên kết	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%
<i>Góp vốn liên danh</i>			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

Thông tin chi tiết các khoản Đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/06/2014:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	12,44%	12,44%
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6,55%	6,55%

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31.549.800	31.549.800
	31.549.800	31.549.800

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP An Bình (i)	24.486.155.825	40.153.824.797
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển HN SGD III (ii)	2.500.000.000	3.100.000.000
	26.986.155.825	43.253.824.797

(i) Bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức tuần hoàn số 0905- TH/2013/HĐHM. II.116 ngày 09/05/2013 giữa Ngân hàng TMCP An Bình và Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay là tài trợ vốn lưu động mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thanh toán L/C thực hiện các dự án có chủ đầu tư được ABBank chấp nhận. Thời gian vay từ 10/5/2013 - 10/5/2014. Thời hạn của từng khoản vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, không quá 10 tháng.

Lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Các khoản phải thu của Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, Công ty CP Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng số 1, Ban quản lý dự án điện Miền Nam và Công ty CP Bắc Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- Hợp đồng hạn mức không tuân hoàn số 0905/2013/HĐHM.II.16 ngày 09/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP Anh Bình - CN Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Thời gian vay từ 10/5/2013 - 10/5/2014. Thời hạn của từng khoản vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, không quá 10 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, thực hiện 03 dự án: An Khê Kanak, Bắc Hà và Dark'tih. Tài sản đảm bảo là Các khoản phải thu của Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, Công ty CP Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng số 1, Ban quản lý dự án điện Miền Nam và Công ty CP Bắc Hà.

Tại thời điểm 30/06/2014 Tổng Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để gia hạn cho hợp đồng vay nêu trên.

- (ii) Hợp đồng tín dụng số 02.2014/324800/HĐTD ngày 16 tháng 05 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam. Số tiền vay là 2.500.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 3 tháng. Lãi suất 9%/năm. Tài sản đảm bảo là giá trị hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 08.2014/HĐTG/SGD3 với giá trị là 9.000.000.000 đồng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	35.614.845.254	38.236.845.253
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300
Các đối tượng khác	109.243.800	464.439.688
	<u>37.091.489.354</u>	<u>40.068.685.241</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ban quản lý Dự án thủy điện 7	7.166.872.026	6.331.914.059
Công ty CP MEDIAMART Việt Nam	517.500.000	-
Văn phòng Bộ văn hóa, thể thao, du lịch	51.917.873	-
	<u>7.736.289.899</u>	<u>6.331.914.059</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	46.577.548	28.687.583
Thuế giá trị gia tăng	-	1.734.528.895
	<u>46.577.548</u>	<u>1.763.216.478</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần (i)	20.352.613.860	20.352.613.860
Phải trả về cổ tức	19.593.684.701	6.462.153.110
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	4.948.235.319	4.995.435.319
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.548.316.027	2.947.428.226
Phải trả CBCNV - ứng trước tiền mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.150.007.039	1.063.532.604
	<u>49.895.256.946</u>	<u>37.123.563.119</u>

(i) Khoản lãi trả chậm thanh toán tiền bán cổ phần Nhà nước của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2010 theo thông báo của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà Nước (SCIC) là 36.545.374.298 đồng. Đến thời điểm 30/06/2014 Tổng Công ty đã ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính là 20.352.613.860 đồng. Nghĩa vụ về các khoản phải trả liên quan đến quyết toán cổ phần hóa sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán vốn cổ phần hóa.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	2.032.618.000	2.196.439.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	2.008.240.000	1.771.377.500
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí hệ B và hệ liên kết	-	18.000.000
	<u>4.040.858.000</u>	<u>3.985.816.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Quý đầu tư phát triển		Quý dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	438.000.000.000	15.229.584.594	15.229.584.594	5.930.012.198	102.689.130.800	561.848.727.592				
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	36.111.393.970	36.111.393.970				
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	2.190.000.000	2.190.000.000	2.190.000.000	(33.810.000.000)	(29.430.000.000)				
Tạm ứng 3% cổ tức từ lợi nhuận 2013	-	-	-	-	(13.140.000.000)	(13.140.000.000)				
Giảm theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	-	(1.591.693.625)	(1.591.693.625)				
Tăng khác	-	-	-	-	89.737.924	89.737.924				
Giảm lợi nhuận phải thu đơn vị trực thuộc nộp về	-	-	-	-	(843.284.682)	(843.284.682)				
Giảm khác	-	-	-	-	(3.449.090)	(3.449.090)				
Số dư tại ngày 01/01/2014	438.000.000.000	17.419.584.594	17.419.584.594	8.120.012.198	89.501.835.297	553.041.432.089				
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	13.531.797.474	13.531.797.474				
Phân phối lợi nhuận năm 2013 (i)	-	2.190.000.000	2.190.000.000	2.190.000.000	(22.776.000.000)	(18.396.000.000)				
Giảm khác (i)	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)				
Số dư tại ngày 30/06/2014	438.000.000.000	19.609.584.594	19.609.584.594	10.310.012.198	80.137.632.771	548.057.229.563				

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

- (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2014 của Đại hội đồng cổ đông:
- | | |
|---------------------------------|--|
| Chia cổ tức | 28.470.000.000 đồng (trong đó đã tạm ứng cổ tức trong năm 2013 là 13.140.000.000 đồng) |
| Trích quỹ dự phòng tài chính | 2.190.000.000 đồng |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.066.000.000 đồng |
| Trích lương HĐQT | 120.000.000 đồng |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 2.190.000.000 đồng |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013. Tại ngày 30/06/2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.646.153.450	10.692.982.597
Trong đó:		
- Doanh thu từ các dự án	9.164.612.809	4.343.065.081
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.481.540.641	6.349.917.516
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.646.153.450	10.692.982.597

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn từ các dự án	8.423.688.479	4.276.474.218
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.787.421.876	3.919.016.972
	11.211.110.355	8.195.491.190

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	8.423.688.479	4.276.474.218
Chi phí nhân công	6.267.258.678	10.708.466.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.492.451	734.162.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.291.818.182	1.150.474.595
Chi phí khác	2.809.054.779	3.744.945.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	9.688.396.000	19.990.366.850
Lãi từ tiền gửi ngân hàng và cho vay	8.482.930.321	8.288.008.601
Lãi do bán các loại chứng khoán	-	4.839.399.082
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.492.628	42.007.030
	18.185.818.949	33.159.781.563

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	214.785.768	645.607.158
Chi phí tài chính khác	179.089.837	273.378.937
	393.875.605	918.986.095

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng Công ty chưa thực hiện tạm tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế phải nộp ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2014	01/01/2014
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.001.095.918	104.801.609.308
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.524.231.002	105.138.676.421
Các khoản cho vay	63.582.690.144	72.889.770.052
Đầu tư dài hạn	360.369.095.137	360.181.295.137
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(638.297.568)	(638.297.568)
Cộng	623.838.814.633	642.373.053.350
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	26.986.155.825	43.253.824.797
Phải trả người bán, phải trả khác	86.986.746.300	77.192.248.360
Cộng	113.972.902.125	120.446.073.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.001.095.918	-	-	112.001.095.918
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.524.231.002	-	-	88.524.231.002
Các khoản cho vay	63.582.690.144	-	-	63.582.690.144
Đầu tư dài hạn	-	360.369.095.137	-	360.369.095.137
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	-	(638.297.568)	-	(638.297.568)
Cộng	264.108.017.064	359.730.797.569	-	623.838.814.633
Tại ngày 30/06/201				
Vay và nợ	26.986.155.825	-	-	26.986.155.825
Phải trả người bán, phải trả khác	86.986.746.300	-	-	86.986.746.300
Cộng	113.972.902.125	-	-	113.972.902.125
Chênh lệch thanh khoản thuần	(150.135.114.939)	(359.730.797.569)	-	(509.865.912.508)
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.801.609.308	-	-	104.801.609.308
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.138.676.421	-	-	105.138.676.421
Các khoản cho vay	72.889.770.052	-	-	72.889.770.052
Đầu tư dài hạn	-	360.181.295.137	-	360.181.295.137
Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	-	(638.297.568)	-	(638.297.568)
Cộng	282.830.055.781	359.542.997.569	-	642.373.053.350
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	43.253.824.797	-	-	43.253.824.797
Phải trả người bán, phải trả khác	77.192.248.360	-	-	77.192.248.360
Cộng	120.446.073.157	-	-	120.446.073.157
Chênh lệch thanh khoản thuần	(162.383.982.624)	(359.542.997.569)	-	(521.926.980.193)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


30. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu đầu kỳ trên Bảng Câu đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/6/2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.




Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2014